

Số: 173/VCBS-KHTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2026

(V/v: Thông báo lãi suất Trái phiếu
VPI124001 cho kỳ trả lãi ngày 31/01/2027)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN VĂN PHÚ**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN VĂN PHÚ

Số: 173
ĐẾN
Ngày: 30-07-2026
Kính chuyển: TS

Kính gửi:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) xin gửi
tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

Căn cứ hợp đồng Đại diện Chủ Sở hữu Trái Phiếu số 3011/2023/BHA-VPI-VCBS ký ngày 30/11/2023 giữa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest (tên mới là Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú), VCBS thực hiện xác định lãi suất Trái phiếu VPI124001 cho kỳ trả lãi ngày 31/01/2027 như sau:

Cơ sở xác định lãi suất:

1. **Ngày xác định lãi suất:** là Ngày Làm Việc trước ngày bắt đầu Kỳ Tính Lãi có liên quan bảy (07) Ngày làm việc (ngày 22/07/2026).

2. **Xác định lãi suất trái phiếu cho Kỳ tính lãi:**

- Theo công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (thông thường) bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau), kỳ hạn mười hai (12) tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng thương mại Việt Nam tham chiếu ngày 22/07/2026 như sau:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: **5.90%/năm**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: **5.90%/năm**

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: **5.90%/năm**

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: **5.90%/năm**

Trung bình cộng lãi suất của các Ngân hàng tham chiếu: **5.90%/năm**

- Biên độ lãi suất: **4.00%/năm**

Tổng cộng: **9.90%/năm**

Căn cứ điều 7.1 - Các điều kiện và điều khoản Trái phiếu: Trong mọi trường hợp và phù hợp quy định của pháp luật (nếu có), nếu Lãi Suất xác định cho bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào sau 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được tính toán dựa trên công thức nêu trên mà nhỏ hơn 9,5% (chín phẩy năm phần trăm) thì Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó được xác định là 9,5% (chín phẩy năm phần trăm).

Vì vậy, VCBS trân trọng thông báo lãi suất cho kỳ trả lãi ngày 31/01/2027 là: **9.90%/năm**
(Chín phẩy chín phần trăm/năm.)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VCBS.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
Trần Việt Hưng



Khách hàng cao cấp

Quan hệ nhà đầu tư Về BIDV Tuyển dụng Hỏi

Sản phẩm & Dịch vụ SMEasy

Đăng

Lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân

Chọn khu vực

TÌM KIẾM

Kỳ hạn	USD	VND
Không kỳ hạn	%	0.1%
1 Tháng	%	2.1%
2 Tháng	%	2.1%
3 Tháng	%	2.4%
5 Tháng	%	2.4%
6 Tháng	%	3.5%
9 Tháng	%	3.5%
12 Tháng	%	5.9%



Cá nhân



Doanh Nghiệp

Bảng lãi suất tiền gửi cho khách hàng cá nhân

Thông tin mang tính tham khảo. Để có thông tin cụ thể, quý khách vui lòng liên hệ với Chi nhánh/Phòng giao dịch của Agribank trên toàn quốc

Kì hạn	VND	USD	EUR	JPY	Ngoại tệ khác
Không kỳ hạn	0.2%	0%	0%	-	-
1 Tháng	2.6%	0%	0%	-	-
2 Tháng	2.6%	0%	0%	-	-
3 Tháng	2.9%	0%	0%	-	-
4 Tháng	2.9%	0%	0%	-	-
5 Tháng	2.9%	0%	0%	-	-
6 Tháng	4.0%	0%	0%	-	-
7 Tháng	4.0%	0%	0%	-	-
8 Tháng	4.0%	0%	0%	-	-
9 Tháng	4.0%	0%	0%	-	-
10 Tháng	4.0%	0%	0%	-	-
11 Tháng	4.0%	0%	0%	-	-
12 Tháng	5.9%	0%	0%	-	-
13 Tháng	5.9%	0%	0%	-	-
15 Tháng	5.9%	0%	0%	-	-
18 Tháng	5.9%	0%	0%	-	-
24 Tháng	6.0%	0%	0%	-	-
Tiền gửi thanh toán	0.2%	0%	0%	0%	0%



Bảng lãi suất tiền gửi

Tiết kiệm tại quầy

Tiền gửi có kỳ hạn tại quầy

Tiền gửi trực tuyến

Kỳ hạn	VND	EUR	USD
Không kỳ hạn	0.10%	0.30%	0.00%
7 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
14 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
1 tháng	2.10%	0.30%	0.00%
2 tháng	2.10%	0.30%	0.00%
3 tháng	2.40%	0.30%	0.00%
6 tháng	3.50%	0.30%	0.00%
9 tháng	3.50%	0.30%	0.00%
12 tháng	5.90%	0.30%	0.00%



Cá nhân ▾ Doanh nghiệp ▾ Khách hàng Ưu tiên ▾ Định chế tài chính ▾ Phát triển bền vững

ĐĂNG NHẬP

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC KỲ HẠN

Kỳ hạn	VND (%/năm)	USD (%/năm)	EUR (%/năm)
Không kỳ hạn	0,1 %	0 %	0,1 %
Dưới 1 tháng	0,2 %	0 %	0,3 %
Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	2,1 %	0 %	0,4 %
Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	2,1 %	0 %	0,4 %
Từ 3 tháng đến dưới 4 tháng	2,4 %	0 %	0,5 %
Từ 4 tháng đến dưới 5 tháng	2,4 %	0 %	0,5 %
Từ 5 tháng đến dưới 6 tháng	2,4 %	0 %	0,5 %
Từ 6 tháng đến dưới 7 tháng	3,5 %	0 %	0,5 %
Từ 7 tháng đến dưới 8 tháng	3,5 %	0 %	0,4 %
Từ 8 tháng đến dưới 9 tháng	3,5 %	0 %	0,4 %
Từ 9 tháng đến dưới 10 tháng	3,5 %	0 %	0,4 %
Từ 10 tháng đến dưới 11 tháng	3,5 %	0 %	0,4 %
Từ 11 tháng đến dưới 12 tháng	3,5 %	0 %	0,4 %
12 tháng	5,9 %	0 %	0,3 %